

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 20 - 9 - 2019
V/v “ Tranh chấp ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trà Thị Thanh Thắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

Ông Mai Minh Nguyệt;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Minh H, sinh năm 1969. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1966. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Minh H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn B tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay tại xã T, huyện T nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung do không hợp tính tình nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh B nhiều lần xúc phạm chị và thiếu trách nhiệm với gia đình. Nay chị xét thấy quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B

- *Về con chung*: Chị và anh Nguyễn Văn B có 3 người con chung nhưng hiện nay các con đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên chị không có yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/7/2019, biên bản hòa giải ngày 12/7/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Minh H đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng, hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung nên anh thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 3 người con chung nhưng hiện nay các con đã trưởng thành nên anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không có yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh H và anh Nguyễn Văn B thừa nhận hai người đã sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống, do tính tình không hợp nhau nên chị H và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy, chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Qua xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T thể hiện: Chị H và anh B sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Xét thấy, chị H và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 mà không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp “ Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn và nhân gia đình”, tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Minh H và anh Nguyễn Văn B.

[2] Về con chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị Minh H phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp “ Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn và nhân gia đình”; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Minh H và anh Nguyễn Văn B.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số 0004421 lập ngày 09 tháng 7 năm 2019. Chị H đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*20/9/2019*) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- UBND xã T, huyện T.
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trà Thị Thanh Thắm